

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 6 - 2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Mên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị A, sinh ngày xx/x/1979; quốc tịch: Việt Nam; số hộ chiếu: Nxxxxxxx9 do Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco cấp ngày xx/x/2020; nơi cư trú: C Martin Luther K, S C, Hoa Kỳ; địa chỉ hiện nay: SunRidge DR Garland, TX xxxxx-xxx9 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền nhận các văn bản tố tụng) của bà A: bà Nguyễn Thị Thiên K, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ B, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Phạm Tấn N, sinh ngày xx/x/1979; số hộ chiếu: Cxxxxxxx6 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh Việt Nam cấp ngày xx/xx/2017; địa chỉ: khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông Phạm Tấn N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ), tỉnh Bình Phước vào ngày 12/01/2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau khi dịch Covid bùng phát, việc đi lại giữa hai nước gặp khó khăn nên vợ chồng bà không có điều

kiện gặp gỡ, không được ở gần nhau trong thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, phai nhạt. Đến nay bà và ông N đều nhận thấy không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà và ông N không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa nên bà A xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thiên K thay mặt bà giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Phạm Tấn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N thống nhất với bà A về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Từ sau khi dịch Covid bùng phát, việc đi lại giữa hai nước gặp khó khăn nên ông và bà A không có điều kiện để gặp nhau, không được ở gần nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay ông nhận thấy không tình cảm với bà A, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà A.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông và bà A không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị A; xử cho bà Bùi Thị A được ly hôn ông Phạm Tấn N; về con chung, tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị A, quốc tịch: Việt Nam; địa chỉ nơi cư trú: C Martin Luther K, S C, Hoa Kỳ; địa chỉ hiện nay: SunRidge DR Garland, TX xxxxx-xxx9 yêu cầu ly hôn với ông Phạm Tấn N, quốc tịch: Việt Nam, hiện đang cư trú tại khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước được quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Bùi Thị A có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và các phiên toà xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Bùi Thị A theo quy định tại các điều 227, 228 và khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Bùi Thị A và bị đơn ông Phạm Tấn N đều thừa nhận ông, bà tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ), tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 nên đây là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu sau kết hôn, vợ chồng bà A, ông N sống hạnh phúc, nhưng từ sau khi dịch Covid bùng phát, việc đi lại giữa hai nước gặp khó khăn nên vợ chồng ông bà không có điều kiện gặp nhau, không được ở gần nhau trong thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Đến nay bà A và ông N đều xác định không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A và ông N đều đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là vợ chồng yêu thương, cùng nhau chung sống hạnh phúc, xây dựng gia đình, tuy nhiên, từ trình bày của các đương sự thấy được hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên đã không sống chung với nhau trong thời gian dài từ năm 2020 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy, bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, xử cho bà A được ly hôn ông N.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228, 271, 321, 322; điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Bùi Thị A .

Xử cho bà Bùi Thị A được ly hôn ông Phạm Tấn N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Thị A phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000128 ngày 22/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (do Nguyễn Thị Thiên K nộp thay). Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà Bùi Thị A số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Bùi Thị A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đặt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn ông Phạm Tấn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Người đại diện của đương sự;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước;
- Ủy ban ND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao;
- Lưu: hồ sơ vụ án; tổ HCTP, tòa GD.NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Nhum